

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp Công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại Tờ trình số 05/TTr-TTTP-VP ngày 09 tháng 8 năm 2021, ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 1674/SNV-TCBC&TCPCP ngày 12 tháng 5 năm 2021, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3030/STP-KTrVB ngày 23 tháng 7 năm 2021;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến của thành viên ủy ban nhân dân Thành phố về việc thông qua Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và Công văn số 1622/TTTP-VP ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Thanh tra thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày 18 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thanh tra Thành phố) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân Thành phố) có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Tư cách pháp lý

Thanh tra Thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng mở tại Kho bạc nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trụ sở làm việc của Thanh tra Thành phố đặt tại số 13 đường Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Thành phố

Thanh tra Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật

về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó của Văn phòng và các phòng thuộc Thanh tra Thành phố; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận, huyện, thành phố Thủ Đức (sau đây gọi là quận, huyện).

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Thanh tra Thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc sở, ngành trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức, nghiệp vụ thanh tra hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Thanh tra sở, ngành, quận, huyện.

6. Về thanh tra:

a) Yêu cầu các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo về công tác thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra sở, ngành, quận, huyện;

c) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện; thanh tra vụ việc phức tạp có liên quan đến trách nhiệm của nhiều sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện; thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập và các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chánh Thanh tra Thành phố và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chánh Thanh tra sở, ngành, quận, huyện khi cần thiết;

g) Tổng hợp kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, Quyết định xử lý về thanh tra của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương khi được giao.

7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện việc tiếp công dân tại trụ sở làm việc theo quy định;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp để làm tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp phát hiện hành vi vi

phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khi được giao;

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã có hiệu lực pháp luật;

e) Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các vụ việc đã có Kết luận, chỉ đạo giải quyết của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân Thành phố, các vụ việc tồn đọng, phức tạp kéo dài.

8. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện; của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội khu vực ngoài nhà nước theo tiêu chí được xác định tại Mục 2 Chương VII Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi địa phương mình; định

kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Chính phủ;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

đ) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp là đối tượng được kiểm soát bởi Thanh tra Chính phủ.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra Thành phố theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Thanh tra Chính phủ.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

12. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và Thanh tra Chính phủ.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra Thành phố; quản lý biên chế, công chức, thực hiện các chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

14. Phối hợp với Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Thanh tra; tham gia ý kiến thỏa thuận về việc điều động, luân chuyển Thanh tra viên thuộc Thanh tra sở, ngành, Thanh tra quận, huyện.

15. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Thành phố

1. Chánh Thanh tra Thành phố có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố; lãnh đạo Thanh tra Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các Thanh tra sở, giữa Thanh tra sở với Thanh tra quận, huyện; chủ trì phối hợp với Chánh Thanh tra bộ xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trên địa bàn Thành phố;

c) Xem xét xử lý vấn đề mà Chánh Thanh tra sở không nhất trí với Giám đốc sở, Chánh Thanh tra quận, huyện không nhất trí với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về công tác thanh tra. Trường hợp Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện không đồng ý với kết quả xử lý của Chánh Thanh tra Thành phố thì Chánh Thanh tra Thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

d) Quy định cụ thể việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; phân công cá nhân hoặc bộ phận có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu giải trình; tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm giải trình và xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

đ) Giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó theo quy định của pháp luật.

2. Chánh Thanh tra Thành phố có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Giám đốc sở, ngành kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao; quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận,

huyện, Chánh Thanh tra sở, ngành, Chánh Thanh tra quận, huyện kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Yêu cầu Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thanh tra trong phạm vi quản lý của sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ;

đ) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

e) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

g) Thanh tra trách nhiệm của Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

h) Phối hợp với Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc xác định cơ cấu, tổ chức, biên chế, chế độ, chính sách đối với Thanh tra sở, Thanh tra quận, huyện.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra

Thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Trong quá trình thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ, bên cạnh quy định pháp luật chuyên ngành nêu trên, thanh

tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, xử lý.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Thành phố

1. Thanh tra Thành phố gồm: Chánh Thanh tra và không quá 04 Phó Chánh Thanh tra, công chức giữ các ngạch thanh tra và công chức khác.

2. Thanh tra Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của các Phó Chánh Thanh tra và đội ngũ cán bộ thanh tra.

3. Chánh Thanh tra Thành phố:

a) Là người đứng đầu cơ quan Thanh tra Thành phố, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Thành phố;

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chánh Thanh tra Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ;

c) Việc miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

4. Phó Chánh Thanh tra Thành phố:

a) Giúp Chánh Thanh tra Thành phố thực hiện nhiệm vụ được Chánh Thanh tra phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra Thành phố vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra Thành phố được Chánh Thanh tra Thành phố ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra Thành phố;

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chánh Thanh tra Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố;

c) Việc miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố.

5. Các chức danh khác của Thanh tra Thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức, bộ máy và biên chế cơ quan Thanh tra Thành phố

1. Các tổ chức của Thanh tra Thành phố gồm:

- a) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 1 (gọi tắt là Phòng 1);
- b) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 2 (gọi tắt là Phòng 2);
- c) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 3 (gọi tắt là Phòng 3);
- d) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 4 (gọi tắt là Phòng 4);
- đ) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 5 (gọi tắt là Phòng 5);
- e) Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo số 6 (gọi tắt là Phòng 6);
- g) Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng (gọi tắt là Phòng 7);
- h) Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra (gọi tắt là Phòng 8);
- i) Văn phòng.

2. Chánh Thanh tra Thành phố có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Thanh tra Thành phố.

3. Việc thành lập hoặc tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Chánh Thanh tra Thành phố chủ trì phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Biên chế công chức của Thanh tra Thành phố:

a) Biên chế công chức của Thanh tra Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động

và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Thành phố;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Thanh tra Thành phố xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ với Thanh tra Chính phủ

Thanh tra Thành phố chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và kiến nghị, đề xuất cho Thanh tra Chính phủ theo quy định.

Điều 9. Mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Thanh tra Thành phố chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố; có trách nhiệm báo cáo hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho Hội đồng nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chế độ thông tin định kỳ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng cho Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ theo quy định.

2. Thanh tra Thành phố chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 10. Mối quan hệ với các cơ quan Tư pháp và Kiểm toán nhà nước

Thanh tra Thành phố phối hợp chặt chẽ với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ

quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng theo quy định và Quy chế phối hợp công tác với các cơ quan có liên quan.

Điều 11. Mọi quan hệ với các cơ quan Đảng thuộc Thành ủy và các cơ quan khác

Thanh tra Thành phố phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng Thành phố, Đảng ủy Quân sự Thành phố, Đảng ủy Bộ đội biên phòng Thành phố, Đảng ủy Công an Thành phố, Sở Ngoại vụ Thành phố theo các Quy chế phối hợp do Thành ủy ban hành và theo chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Mọi quan hệ với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc chấp hành, thực hiện các quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Thanh tra.

2. Phối hợp với Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xác định cơ cấu, tổ chức, biên chế, chế độ, chính sách đối với Thanh tra sở, ngành, Thanh tra quận, huyện.

3. Phối hợp với Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và thuyên chuyển, điều động, bố trí Chánh Thanh tra Sở, Chánh Thanh tra quận, huyện và các chức danh thanh tra.

Điều 13. Mọi quan hệ với Thanh tra sở, ngành và Thanh tra quận, huyện

1. Hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Phối hợp tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; chỉ đạo, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải

quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

3. Phối hợp thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra Thành phố có trách nhiệm xây dựng Quy chế làm việc của cơ quan Thanh tra Thành phố và hướng dẫn Thanh tra sở, ngành, Thanh tra quận, huyện xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của từng đơn vị.

2. Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Thành phố tổ chức quán triệt, chấp hành thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, thay thế

Khi nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật, tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này./.